**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian: Truyện cổ tích  **-Văn bản thông tin** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được một bài văn kể lại một truyện cổ tích  -Thuyết minh thuật lại một sự kiện | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyện cổ tích) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu, các từ loại danh từ, động từ, tính từ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích mà em từng đọc hoặc từng nghe kể (ngoài chương trình sách giáo khoa) | **Nhận biết**: Kiểu bài, ngôi kể, bố cục, xác định được yêu cầu của đề.  **Thông hiểu:** Xác định cốt truyện, sắp xếp trình tự sự việc diễn biến câu chuyện, kết thúc câu chuyện  **Vận dụng*:*** Sử dụng các yếu tố để viết được một bài văn hoàn chỉnh  **Vận dụng cao:** Sáng tạo, sinh động, hấp dẫn thu hút người đọc người nghe.  Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích theo ngôi thứ nhất thể hiện cảm xúc trước câu truyện được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**ĐỌC HIỂU (6.0) Đọc văn bản sau:**

**Sự tích cây vú sữa**

Ngày xưa, có một cậu bé được mẹ cưng chiều nên rất nghịch và ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu vùng vằng bỏ đi. Cậu la cà khắp nơi, mẹ cậu ở nhà không biết cậu ở đâu nên buồn lắm. Ngày ngày mẹ ngồi trên bậc cửa ngóng cậu về. Một thời gian trôi qua mà cậu vẫn không về. Vì quá đau buồn và kiệt sức, mẹ cậu gục xuống. Không biết cậu đã đi bao lâu. Một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ.

-“Phải rồi, khi mình đói, mẹ vẫn cho mình ăn, khi mình bị đứa khác bắt nạt, mẹ vẫn bênh mình, về với mẹ thôi”.

Cậu liền tìm đường về nhà. Ở nhà, cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu khản tiếng gọi mẹ:

– Mẹ ơi, mẹ đi đâu rồi, con đói quá ! – Cậu bé gục xuống, rồi ôm một cây xanh trong vườn mà khóc.

Kỳ lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh. Cây nghiêng cành, một quả to rơi vào tay cậu bé.

Cậu bé cắn một miếng thật to. Chát quá

Quả thứ hai rơi xuống. Cậu lột vỏ, cắn vào hạt quả. Cứng quá.

Quả thứ ba rơi xuống. Cậu khẽ bóp quanh quanh quả, lớp vỏ mềm dần rồi khẽ nứt ra một kẽ nhỏ. Một dòng sữa trắng sóng sánh trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

Cậu bé ghé môi hứng lấy dòng sữa ngọt ngào, thơm ngon như sữa mẹ.

Cây rung rinh cành lá, thì thào :

“Ăn trái ba lần mới biết trái ngon. Con có lớn khôn mới hay lòng mẹ”.

Cậu oà lên khóc. Mẹ đã không còn nữa. Cậu nhìn lên tán lá, lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu ôm lấy thân cây mà khóc, thân cây xù xì, thô ráp như đôi bàn tay làm lụng của mẹ. Nước mắt cậu rơi xuống gốc cây, Cây xòa cành ôm cậu, rung rinh cành lá như tay mẹ âu yếm vỗ về.

Cậu kể cho mọi người nghe chuyện về người mẹ và nỗi ân hận của mình.

Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu, ai cũng thích. Họ đem về gieo trồng khắp nơi và đặt tên là [Cây Vú Sữa](http://truyencotich.vn/).

(Nguồn: <https://truyencotich.vn/truyen-co-tich/co-tich-viet-nam/su-tich-cay-vu-sua.html> )

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Truyện *Sự tích Cây vú sữa*  thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật người mẹ B. Lời của nhân vật người cha

C. Lời của nhân vật người con. D. Lời của người kể chuyện.

**Câu 3.** Bộ phận in đậm trong câu văn sau *Cây nghiêng cành, một quả to* ***rơi*** *vào tay cậu bé* thuộc từ loại nào?

1. Danh từ B. Động từ

C. Tính từ D. Số từ

**Câu 4**. Vì sao người con lại bỏ đi?

A. Vì bị mẹ mắng. B. Vì sợ mẹ trách phạt.

C. Vì bạn bè rủ rê. D. Vì muốn sống tự lập.

**Câu 5**. Vì sao khi trở về người con lại òa lên khóc?

A**.** Vì không còn ai chơi cùng B. Vì giận mẹ.

C. Vì mẹ đã mất D. Vì bị làng xóm chê cười

**Câu 6**. Câu văn : *Một dòng sữa trắng sóng sánh trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa B. So sánh

C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 7**. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Sự tích Cây vú sữa*  ?

A. Giải thích nguồn gốc Cây vú sữa.

B. Giải thích về một loài cây

C. Giải thích về một loài hoa.

D. Giải thích tên gọi một ngôi làng

**Câu 8**. Từ “*ân hận”* trong câu: *Cậu kể cho mọi người nghe chuyện về người mẹ và nỗi* ***ân hận*** *của mình có nghĩa là:*

1. Hối tiếc day dứt về việc làm sai trái của mình,. B. Bực tức về việc làm đã xẩy ra

C. Diễn tả hành động của bản thân, D. Chưa làm được mọi điều như ý.

**Câu 9**. Bài học em nhận được từ câu truyện *Sự tích Cây vú sữa* là gì?

**Câu 10**. Em có nhận xét gì về sự thay đổi của người con khi thấy mẹ không còn nữa ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích mà em từng đọc hoặc từng nghe bằng lời văn của em. (Truyện không có trong chương trình sách giáo khoa)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.VD: HS nêu được cụ thể bài học rút ra *:* Câu chuyện khuyên răn chúng ta phải hiểu cho tấm lòng người mẹ, biết ơn, không nên làm những chuyện khiến mẹ buồn lòng. Bài học về lòng hiếu thảo... | 1,0 |
|  | **10** | - Nhận xét được thay đổi của người con là đúng hay sai?  - Đánh giá hành động của người con , Liên hệ bản thân ? | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*   - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất, kể bằng lời văn của em.  - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. | 0,25 |
|  | 1. *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích mà em từng đọc hoặc từng nghe bằng lời văn của em (Truyện không có trong chương trình sách giáo khoa) | 0,25 |
|  | *c. Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích*  - Học sinh có thể triển khai kể cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **- Mở bài:** Đóng vai nhân vật giới thiệu chung về nhân vật và sự việc trong truyện cổ tích mà em sẽ kể.   * **Thân bài**: - Kể theo diễn biến các sự việc, các chi tiết theo trình tự của truyện....   + Quá trình kể cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết, bảo đảm có sự kết nối giữa các phần, có sáng tạo, sinh động, hấp dẫn thu hút người đọc người nghe. .   * **Kết bài**: Sự việc kết thúc và ý nghĩa câu chuyện cổ tích đó. | 0,5  2,25  0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo, tạo được những rung cảm sâu sắc .... | 0,25 |